TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất;

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Minh K, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm L, sinh năm 1968;

Địa chỉ nơi làm việc: Phòng T Công an tỉnh Đắk Nông, tổ dân phố 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 130 Nguyễn Văn L, bon U1, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H; Địa chỉ: 130 Nguyễn Văn L, bon U1, thị trấn E, huyện

C, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

- Chị Phùng Thị D; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Bùi Minh K trình bày:

Ngày 02/6/2016, ông Phạm L có vay của anh K số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 02/6/2016, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng (không ghi trong giấy vay), giấy vay tiền do ông L ký dưới mục "Đại diện bên vay". Sau khi vay, ông L có chuyển khoản cho anh K 02 lần để trả tiền lãi cụ thể: Lần 1: Vào ngày 12/01/2017 chuyển khoản trả 7.000.000 đồng; lần 2: Vào ngày 01/6/2017 chuyển khoản trả 10.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng. Ngoài ra ông L không trả cho anh K số tiền nào khác.

Ngày 02/8/2015, ông Phạm L có bán cho anh Bùi Minh K 01 bộ tam đa loại gỗ thủy tùng với giá 27.000.000 đồng, ông L đã nhận tiền và ký dưới mục "Người bán". Anh K đã trả tiền mua bộ tam đa của ông L và không liên quan đến số tiền vay ngày 02/6/2016.

Đến hạn trả nợ nhưng ông Phạm L không trả nợ theo thỏa thuận mặc dù anh Bùi Minh K đã đòi nợ nhiều lần. Ngày 12/01/2018, anh Bùi Minh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm L phải trả số tiền gốc vay là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 02/01/2018 là 32.400.000 đồng (sau khi trừ đi 17.000.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả), tổng cộng là 162.400.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/01/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Theo bị đơn ông Phạm L trình bày: Vào khoảng năm 2015, ông L có vay của anh Bùi Minh K số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng. Thời gian đầu ông L trả tiền lãi đúng hạn, do gặp khó khăn nên đến năm 2016 anh K yêu cầu ông L viết lại giấy xác nhận nợ số tiền là 130.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Do không có tiền trả nên ông L đưa cho anh K một bộ tam đa gỗ thủy tùng với giá 25.000.000 đồng để trả nợ. Một thời gian sau ông L có chuyển khoản trả cho anh K 02 lần, cụ thể: Lần 1: Chuyển khoản trả 7.000.000 đồng; lần 2: Chuyển khoản trả 10.000.000 đồng, tổng cộng là 17.000.000 đồng.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị D trình bày: Ngày 02/6/2016, ông Phạm L có vay của anh Bùi Minh K (anh K là chồng chị D) số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 02/6/2016, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Sau khi vay, ông L

mới trả tiền lãi được 17.000.000 đồng, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả số tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn là ông Phạm L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L và bà H để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do ông L và bà H từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nên không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông L và bà H. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và triệu tập cho ông L và bà H đến Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Bùi Minh K nhưng ông L và bà H đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Bùi Minh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phùng Thị D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phạm L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phùng Thị D thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia các phiên họp, phiên tòa theo quy định nên phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tại phiên tòa tất cả các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh K đối với ông Phạm L; buộc ông Phạm L phải trả anh Bùi Minh K và chị Phùng Thị D số tiền gốc 130.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi 17.000.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả cho anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Bùi Minh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phùng Thị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 02/6/2016, nội dung giấy vay thể hiện ông Phạm L có vay của anh Bùi Minh K số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 01 tháng, giấy vay không thể hiện lãi suất, bên vay cam kết sẽ trả nợ tiền gốc và lãi theo đúng như đã thỏa thuận. Quá trình giải quyết, ông Phạm L thừa nhận có vay của anh K số tiền 130.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi suất.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn ông Phạm L có nơi làm việc là Phòng T Công an tỉnh Đắk Nông, địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét đơn yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh K yêu cầu ông Phạm L phải trả số tiền vay 130.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 02/6/2016 đến ngày 02/01/2018 là 32.400.000 đồng (sau khi trừ đi 17.000.000 đồng tiền lãi mà ông L đã trả cho anh K), tổng cộng là 162.400.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/01/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông Phạm L và anh Bùi Minh K ký hợp đồng vay tài sản ngày 02/6/2016 là hoàn toàn tự nguyện, ông L có ký giấy vay tiền. Sau khi vay, ông L đã trả cho anh K 17.000.000 đồng, anh K xác định số tiền 17.000.000 đồng ông L trả là tiền lãi, phía ông L không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 17.000.000 đồng ông L trả cho anh K là trả tiền lãi hay trả vào tiền gốc. Do đó, cần xác định số tiền này ông L trả K là tiền lãi. Số tiền gốc 130.000.000 đồng, anh K đã đòi nhiều lần nhưng ông L chưa trả.

Xét yêu cầu của ông Phạm L cho rằng khoảng năm 2015, ông L có vay của anh Bùi Minh K số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 7%/tháng. Năm 2016 anh K yêu cầu ông L viết lại giấy xác nhận nợ số tiền là 130.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng nhưng ông L không có chứng cứ để chứng minh, anh K không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Đối với yêu cầu ông Phạm L cho rằng, ngày 02/8/2015, ông Phạm L có đưa cho anh Bùi Minh K một bộ tam đa gỗ thủy tùng với giá 25.000.000 đồng để trả nợ số tiền vay 130.000.000 đồng ngày 02/6/2016, tuy nhiên giấy bán bộ tam đa đề ngày 02/8/2015 thể hiện ông L bán cho anh K bộ tam đa loại gỗ thủy tùng với giá 27.000.000 đồng, ông L đã nhận tiền, ông K đã nhận bộ tam đa. Thời điểm mua ngày 02/8/2015 trước thời điểm ông L vay tiền của anh K ngày 02/6/2016. Do đó, lời khai của ông L là không có căn cứ. Anh K xác định việc mua 01 bộ tam đa loại gỗ thủy tùng với giá 27.000.000 đồng của ông L đã giao tiền và không liên quan đến khoản vay ngày 02/6/2016 nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông L.

Do hợp đồng vay tài sản được xác lập theo quy định Bộ luật dân sự năm 2005, đến nay chưa thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Phía ông Phạm L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy vay tiền đã ký kết ngày 02/6/2016 với anh Bùi Minh K quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".

Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày vay 02/6/2016 đến ngày 02/7/2016 là: 130.000.000 đồng x 30 ngày x 0,83%/ tháng = 1.079.000 đồng.

Tiền lãi đối với khoản lãi trên nợ gốc chậm trả trong thời hạn hợp đồng tính từ ngày 03/7/2016 đến ngày 12/01/2017 là 06 tháng 09 ngày là 1.079.000 đồng x 06 tháng x 0,83%/ tháng + 1.079.000 đồng x 09 ngày x 0,027%/ngày = 540.000 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 03/7/2016 đến ngày 12/01/2017 là 06 tháng 09 ngày là 130.000.000 đồng x 06 tháng x 0,83%/tháng x 150% + 130.000.000 đồng x 09 ngày x 0,027%/ngày x 150% = 10.711.000 đồng.

Ngày 12/01/2017, ông L đã trả 7.000.000 đồng tiền lãi nên ông L còn nợ tiền lãi của anh K tính đến thời điểm ngày 12/01/2017 là: 1.079.000 đồng + 540.000 đồng + 10.711.000 đồng - 7.000.000 đồng = 5.330.000 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày ngày 13/01/2017 đến ngày 01/6/2017 là 04 tháng 18 ngày là 130.000.000 đồng x 04 tháng x 0,83%/tháng x 150% + 130.000.000 đồng x 18 ngày x 0,027%/ngày x 150% = 7.421.700 đồng.

Ngày 01/6/2017, ông L đã trả 10.000.000 đồng tiền lãi nên ông L còn nợ tiền lãi của anh K tính đến thời điểm ngày 01/6/2017 là: 5.330.000 đồng + 7.421.700 đồng - 10.000.000 đồng = 2.751.700 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/6/2019 là 02 năm 04 ngày là 130.000.000 đồng x 02 năm x 10%/năm x 150% + 130.000.000 đồng x 4 ngày x 0,027%/ngày x 150% = 39.210.600 đồng.

Tổng cộng tiền lãi ông L phải trả anh K là: 2.751.700 đồng + 39.210.600 đồng = 41.962.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Phạm L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H để giải quyết vụ án nhưng ông L và bà H đều vắng mặt không có lý do. Hợp đồng vay tiền chỉ có ông Phạm L ký nên cần buộc ông Phạm L phải trả tổng cộng là 171.962.000 đồng (trong đó tiền gốc là 130.000.000 đồng và lãi là 41.962.000 đồng) cho anh Bùi Minh K và chị Phùng Thị D là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh K được chấp nhận nên ông Phạm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 171.962.000 đồng x 5% = 8.598.100 đồng (làm tròn thành theo 8.598.000 đồng).

Hoàn trả cho anh Bùi Minh K số tiền 4.060.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Minh K đối với ông Phạm L.

Buộc ông Phạm L phải trả cho anh Bùi Minh K và chị Phùng Thị D tổng số tiền là 171.962.000đ (một trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) trong đó (nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi là 41.962.000 đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Bùi Minh K và chị Phùng Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà ông Phạm L không trả số tiền nêu trên thì còn phải tiền lãi đối với số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả nợ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Phạm L phải nộp 8.598.000đ (tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Bùi Minh K số tiền 4.060.000đ (bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001714 ngày 16/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thị xã Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Quy